

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 11

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

MỤC LỤC

Trang

1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08 - 09
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 11 (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 11 là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301148063 ngày 19 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thay đổi lần thứ 2, ngày 30/05/2012, thay đổi lần 3 ngày 27/05/2016, thay đổi lần thứ 4 ngày 15/03/2018.

Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Công ích Quận 11 theo Quyết định số 3885/QĐ-UBND ngày 05/07/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ 38.748.000.000 đồng

Vốn thực tế 38.748.000.000 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 12 Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 028 3866 2226
Fax: 028 3866 2224
Mã số thuế: 0301148063

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Hội đồng thành viên:

- Ông Phạm Văn Trình

Chức vụ

Thành viên

Ban kiểm soát

- Ông Phạm Mạnh Tuyên

Chức vụ

Kiểm soát viên

Ban Giám đốc và kế toán trưởng:

- Ông Lê Quang Tâm

- Ông Phạm Quốc Phương

- Bà Huỳnh Thị Hương

Chức vụ

Giám đốc

Phó giám đốc

Kế toán trưởng

Ngành nghề kinh doanh

Phá dỡ: Khoan cắt bê tông, phá dỡ công trình xây dựng, di dời nhà cửa;

- Lắp đặt trang thiết bị công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật, lắp đặt trang thiết bị công trình giao thông thủy lợi;

- Sửa chữa máy móc, thiết bị;

- Xây dựng công trình dân dụng khác;

- Hoạt động công ích (theo chỉ tiêu kế hoạch hoặc đơn đặt hàng của Nhà nước): Quản lý, duy tu và xây dựng các công trình giao thông, công trình đô thị theo phân cấp quản lý; thu gom và vận chuyển rác; bảo đảm vệ sinh đô thị trên địa bàn; quản lý, cho thuê (kể cả bán nhà theo nghị định 61/CP) các loại nhà thuộc sở hữu Nhà nước theo phân cấp quản lý và theo các quy định hiện hành; tham gia di dời và xây dựng và bố trí tái định cư theo quy hoạch và chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao. Hoạt động khác (theo Hợp đồng kinh tế với khách hàng): san lấp mặt bằng, xây dựng công trình công nghiệp - dân dụng vừa và nhỏ, công trình giao thông đô thị vừa và nhỏ. Kinh doanh nhà.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ngày 28/12/2018 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 6213/QĐ-UBND về kế hoạch cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND TPHCM giai đoạn 2018-2020. Theo Quyết định 6213/QĐ-UBND, Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Quận 11 đang tiến hành các thủ tục theo quy định về cổ phần hóa.

Trừ vấn đề nêu trên, không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

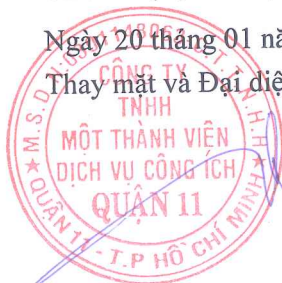
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020

Thay mặt và Đại diện Ban Giám đốc 



Lê Quang Tâm
Giám đốc

Số 04/2020/BCKITTC-TBD

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 11

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 11, được lập ngày 20 tháng 01 năm 2020, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám Đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty đang tạm trích quỹ tiền lương năm 2019 của viên chức quản lý và người lao động theo Thông báo số 232/TB-UBND ngày 23/7/2019 của UBND Quận 11 về kế hoạch lao động, quỹ tiền lương kế hoạch năm 2019 của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 11. Hiện Công ty đang chờ quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2019.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 11 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2020

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

Giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Thành Đức

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1498-2018-196-1

Trần Minh Bảo

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3219-2020-196-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2019	TẠI NGÀY 01/01/2019
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		93.953.206.255	106.020.691.623
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		56.494.083.936	80.366.669.692
1. Tiền	111	V.01	29.061.467.759	35.300.720.562
2. Các khoản tương đương tiền	112		27.432.616.177	45.065.949.130
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.527.612.291	24.069.686.878
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	34.611.120.243	23.245.126.546
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	283.368.713	238.274.748
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	738.996.799	1.175.667.173
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	V.05	(105.873.464)	(589.381.589)
IV. Hàng tồn kho	140		1.623.124.637	1.259.332.889
1. Hàng tồn kho	141	V.06	1.623.124.637	1.259.332.889
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		308.385.391	325.002.164
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11a	308.385.391	325.002.164
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		436.652.111.120	440.772.420.920
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		11.616.034.068	2.966.489.334
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	11.616.034.068	2.966.489.334
Nguyên giá	222		19.579.182.507	9.548.935.955
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.963.148.439)	(6.582.446.621)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		424.212.657.441	437.805.931.586
Nguyên giá	231	V.09	431.989.556.351	445.797.729.011
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(7.776.898.910)	(7.991.797.425)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		823.419.611	-
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	823.419.611	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		530.605.317.375	546.793.112.543

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2019	TẠI NGÀY 01/01/2019
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		35.247.879.385	37.230.825.342
I. Nợ ngắn hạn	310		33.442.704.538	35.403.900.390
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	250.986.705	41.505.991
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11b	5.265.973.627	3.619.634.333
3. Phải trả người lao động	314	V.12	5.041.100.218	5.462.225.440
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	20.606.064.045	22.272.537.498
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	2.278.579.943	4.007.997.128
II. Nợ dài hạn	330		1.805.174.847	1.826.924.952
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.14	883.918.847	905.668.952
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	899.975.000	899.975.000
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.16	21.281.000	21.281.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		495.357.437.990	509.562.287.201
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	39.165.772.097	38.663.423.097
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		38.748.000.000	38.748.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		38.748.000.000	38.748.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		333.885.726	333.885.726
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	(502.349.000)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	(502.349.000)
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		83.886.371	83.886.371
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.18	456.191.665.893	470.898.864.104
1. Nguồn kinh phí	431		31.979.007.444	33.092.931.510
2. Nguồn kinh phí đã hình thành	432		424.212.658.449	437.805.932.594
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		530.605.317.375	546.793.112.543

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020



Huỳnh Thị Hường
Kế toán trưởng



Lê Quang Tâm
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

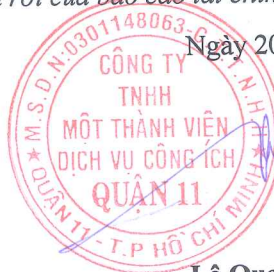
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2019	2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	83.316.466.073	82.464.468.381
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		83.316.466.073	82.464.468.381
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	70.023.622.881	67.157.232.130
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.292.843.192	15.307.236.251
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.254.970.361	1.812.929.818
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.04	9.216.231.704	12.456.233.897
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.331.581.849	4.663.932.172
11. Thu nhập khác	31	VI.05	51.747.890	-
12. Chi phí khác	32	VI.06	132.109.463	59.626.573
13. Lợi nhuận khác	40		(80.361.573)	(59.626.573)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.251.220.276	4.604.305.599
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	1.080.865.950	1.058.507.052
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.170.354.326	3.545.798.547

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020


Huỳnh Thị Hường
Kế toán trưởngLê Quang Tâm
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ THUYẾT SỐ MINH	2019	2018
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	5.251.220.276	4.604.305.599
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.380.701.818	598.053.666
- Các khoản dự phòng	03	(483.508.125)	(25.019.105)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.469.868.876)	(1.870.249.824)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	4.678.545.093	3.307.090.336
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(10.957.800.515)	(20.312.058.832)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(363.791.748)	(1.071.957.831)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(2.248.260.135)	(9.979.896.398)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(815.551.772)	(1.008.935.999)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(1.113.924.066)	13.213.860.228
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(17.261.279.471)	(27.581.932.642)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(28.905.482.225)	(43.433.831.138)
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	3.777.926.108	23.196.389.883
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.254.970.361	1.812.929.818
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.032.896.469	25.009.319.701
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ THUYẾT SỐ MINH	2019	2018
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(23.872.585.756)	(18.424.511.437)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	80.366.669.692	98.791.181.129
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	56.494.083.936	80.366.669.692

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020



Huỳnh Thị Hường
Kế toán trưởng



Lê Quang Tâm
Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 11 là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301148063 ngày 19 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thay đổi lần thứ 2, ngày 30/05/2012, thay đổi lần 3 ngày 27/05/2016, thay đổi lần thứ 4 ngày 15/03/2018.

Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Công ích Quận 11 theo Quyết định số 3885/QĐ-UBND ngày 05/07/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu

- Vốn điều lệ: 38.748.000.000 VND

- Vốn thực tế: 38.748.000.000 VND

Trụ sở đặt tại: Số 12 Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ công ích, xây dựng,...

3. Ngành nghề kinh doanh:

Phá dỡ: Khoan cắt bê tông, phá dỡ công trình xây dựng, di dời nhà cửa;

- Lắp đặt trang thiết bị công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật, lắp đặt trang thiết bị công trình giao thông thủy lợi;

- Sửa chữa máy móc, thiết bị;

- Xây dựng công trình dân dụng khác;

- Hoạt động công ích (theo chỉ tiêu kế hoạch hoặc đơn đặt hàng của Nhà nước): Quản lý, duy tu và xây dựng các công trình giao thông, công trình đô thị theo phân cấp quản lý; thu gom và vận chuyển rác; bảo đảm vệ sinh đô thị trên địa bàn; quản lý, cho thuê (kể cả bán nhà theo nghị định 61/CP) các loại nhà thuộc sở hữu Nhà nước theo phân cấp quản lý và theo các quy định hiện hành; tham gia di dời và xây dựng và bố trí tái định cư theo quy hoạch và chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao. Hoạt động khác (theo Hợp đồng kinh tế với khách hàng): san lấp mặt bằng, xây dựng công trình công nghiệp - dân dụng vừa và nhỏ, công trình giao thông đô thị vừa và nhỏ. Kinh doanh nhà.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VNĐ) trong hạch toán kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Trong năm, việc trích lập dự phòng này đơn vị chưa đủ điều kiện để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo phương pháp trên.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí nghiên cứu;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn.

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được Chi phí phát sinh và Chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

d. Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo phương pháp tỉ lệ phần trăm công việc hoàn thành dựa vào mức độ hoàn thành công việc vào ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2019	01/01/2019
Tiền mặt tại quỹ	953.616.392	323.761.177
+ Tiền mặt tại quỹ VNĐ	953.616.392	323.761.177
Tiền gửi ngân hàng VND	28.107.851.367	34.976.959.385
Ngân hàng TM CP Công Thương Việt Nam - CN11	7.285.336.622	29.974.689.785
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn - CN Lý Thường Kiệt	20.822.514.745	5.002.269.600
Các khoản tương đương tiền	27.432.616.177	45.065.949.130
Ngân hàng TM CP Công Thương Việt Nam - CN11	5.913.927.999	12.657.221.130
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn - CN Lý Thường Kiệt	21.518.688.178	32.408.728.000
Tổng cộng	56.494.083.936	80.366.669.692

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

2. Phải thu khách hàng		31/12/2019	01/01/2019	
Phải thu của khách hàng ngắn hạn				
- Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Quận 11		20.156.420.482	15.302.669.067	
- Tiền thu giữ xe, thang máy các hộ dân		1.879.100.650	1.192.388.268	
- Tiền thu cho thuê nhà các hộ dân		249.309.035	298.006.787	
- Tiền thu cho thuê địa điểm SXKD		688.160.393	1.144.720.871	
- Phòng tài chính KH Quận 11		1.819.351.240	1.819.351.240	
- Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị HCM		7.259.447.235	1.000.000.000	
- Hợp tác xã vận tải công nông		2.075.197.000	2.075.197.000	
- Khách hàng khác		484.134.208	412.793.313	
Tổng cộng		34.611.120.243	23.245.126.546	
3. Trả trước cho người bán		31/12/2019	01/01/2019	
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC		66.000.000	66.000.000	
- Cty TNHH Chứng khoán NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM		40.000.000	40.000.000	
- Nguyễn Trọng Nhân			132.274.748	
- Khách hàng khác		177.368.713	-	
Tổng cộng		283.368.713	238.274.748	
4. Các khoản phải thu khác		31/12/2019	01/01/2019	
Ngắn hạn	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tiền lãi ngân hàng dự thu	150.066.388	-	160.261.784	-
- TTKĐ BD và TV Tài Nguyên Môi trường	115.237.000	-	115.237.000	-
- Lô A1 Chung Cư 14A LLC	30.162.328	-	30.162.328	-
- Bảo hiểm xã hội	-	-	18.609.869	-
- Bảo hiểm y tế	-	-	3.284.095	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	1.459.597	-
- Bảo trì thang máy Cây Mai	3.660.000	-	3.660.000	-
- Các khoản tạm ứng	364.407.697	-	803.246.793	-
- Phải trả tiền ngân sách thanh toán điện cho các hộ dân lập	40.441.575	-	39.745.707	-
- Phải thu thuế TNCN	35.021.811	-		-
Tổng cộng	738.996.799	-	1.175.667.173	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	31/12/2019	01/01/2019
Khoản dự phòng phải thu các khách hàng thuê nhà ở và nhà sản xuất kinh doanh thuộc sở hữu nhà nước	105.873.464	589.381.589
Tổng cộng	105.873.464	589.381.589

6. Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	22.401.620	-	-	-
- Công cụ, dụng cụ	475.007.306	-	483.032.824	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.125.715.711	-	776.300.065	-
Tổng cộng	1.623.124.637	-	1.259.332.889	-

7. Chi phí trả trước

	01/01/2019	Tăng	Kết chuyển chi phí	31/12/2019
Chi phí trả trước dài hạn		1.347.413.909	523.994.298	823.419.611
Chi phí sửa chữa văn phòng				
Tổng cộng	-	1.347.413.909	523.994.298	823.419.611

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2019	2.388.681.282	176.836.000	6.816.195.473	167.223.200	9.548.935.955
- Mua trong năm			10.030.246.552		10.030.246.552
Số dư ngày 31/12/2019	2.388.681.282	176.836.000	16.846.442.025	167.223.200	19.579.182.507
Khấu hao lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2019	1.741.690.093	157.610.472	4.526.676.744	156.469.312	6.582.446.621
- Khấu hao trong năm	121.601.648	19.225.528	1.229.120.754	10.753.888	1.380.701.818
Số dư ngày 31/12/2019	1.863.291.741	176.836.000	5.755.797.498	167.223.200	7.963.148.439
Giá trị còn lại					
Số dư ngày 01/01/2019	646.991.189	19.225.528	2.289.518.729	10.753.888	2.966.489.334
Số dư ngày 31/12/2019	525.389.541	-	11.090.644.527	-	11.616.034.068
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng bao gồm:					
Nhà cửa, vật kiến trúc	120.673.588				
Máy móc thiết bị	176.836.000				
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.560.531.000				
Dụng cụ quản lý	167.223.200				
Tổng cộng	3.025.263.788				

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

9. Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư

	Nhà ở	Nhà sản xuất kinh doanh	Chung cư	Bất động sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2019	6.140.217.366	12.651.823.658	427.005.687.987		445.797.729.011
- Mua trong năm					-
- Giảm trong năm	(638.159.813)	(29.593.447)	(13.140.419.400)		(13.808.172.660)
Số dư ngày 31/12/2019	5.502.057.553	12.622.230.211	413.865.268.587	-	431.989.556.351
Khấu hao lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2019	1.440.779.643	6.551.017.782			7.991.797.425
- Khấu hao trong năm	-				-
- Giảm trong kỳ	(198.889.788)	(16.008.727)			(214.898.515)
Số dư ngày 31/12/2019	1.241.889.855	6.535.009.055	-	-	7.776.898.910
Giá trị còn lại					
Số dư ngày 01/01/2019	4.699.437.723	6.100.805.876	427.005.687.987	-	437.805.931.586
Số dư ngày 31/12/2019	4.260.167.698	6.087.221.156	413.865.268.587	-	424.212.657.441

Bất động sản tăng trong năm do Nhà nước giao thêm để quản lý; giảm trong năm do bán theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

10. Phải trả người bán	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>				
- Nguyễn Văn Khánh	250.986.705	250.986.705	-	-
- Phùng Thanh Trúc		-	2.477.350	2.477.350
- Đoàn Văn Thành		-	16.752.641	16.752.641
- Các khách hàng khác		-	22.276.000	22.276.000
Tổng cộng	250.986.705	250.986.705	41.505.991	41.505.991

11. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
- Thuế GTGT	2.886.225.145	5.113.877.919	4.298.834.668	3.701.268.396
- Thuế TNDN	315.551.773	1.080.865.950	815.551.772	580.865.951
- Thuế TNCN	(325.002.164)	458.234.574	441.617.801	(308.385.391)
- Thuế nhà đất	-	22.337.602	22.337.602	-
- Tiền thuê đất	-	10.988.145.856	10.988.145.856	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Các khoản phí, lệ phí	417.857.415	654.717.067	88.735.202	983.839.280
Tổng cộng	3.294.632.169	18.321.178.968	16.658.222.901	4.957.588.236

Trong đó:

a Thuế và các khoản phải thu ngân sách Nhà nước:

	31/12/2019	01/01/2019
- Thuế TNCN	308.385.391	325.002.164
Tổng cộng	308.385.391	325.002.164

b Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

	31/12/2019	01/01/2019
- Thuế GTGT	3.701.268.396	2.886.225.145
- Thuế TNDN	580.865.951	315.551.773
Các khoản phí, lệ phí	983.839.280	417.857.415
Tổng cộng	5.265.973.627	3.619.634.333

Số thuế phải nộp của doanh nghiệp chưa được Cơ quan Thuế quyết toán. Do đó, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

12. Phải trả công nhân viên	31/12/2019	01/01/2019
- Lương công nhân viên	4.482.240.313	4.883.821.839
- Lương viên chức quản lý	558.859.905	578.403.601
Tổng cộng	5.041.100.218	5.462.225.440
13. Phải trả khác	31/12/2019	01/01/2019
<i>a Phải trả ngắn hạn khác</i>		
- Phải trả thu hộ tiền đền bù giải phóng mặt bằng	38.627.306	38.627.306
- Phải trả thu tiền thẩm định, tư vấn thiết kế mua nhà hoá giá	989.473.266	989.473.266
- Phải trả thu hộ tiền bán chung cư tái định cư (95%)	17.086.798.027	1.926.813.314
- Phải trả thu tiền chi phí đo vẽ chung cư Phú Thọ (12 căn hộ liền kề)	37.534.001	37.534.001
- Phải trả thu tiền nhà tái định cư	209.486.400	209.486.400
- Phải trả phí dự phòng chung cư Cây Mai	146.527.876	68.027.033
- Phải trả tiền thu tạm ứng trước dịch vụ vận chuyển rác Hợp tác xã vận tải Công nông	2.075.197.000	2.075.197.000
- Phải trả tiền thu tạm ứng dịch vụ công ích Phòng tài chính KH Quận 11	-	16.923.672.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	22.054.321	3.707.178
Tổng cộng	20.606.064.045	22.272.537.498
<i>b Phải trả dài hạn khác</i>	-	
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	899.975.000	899.975.000
Tổng cộng	899.975.000	899.975.000
(*) Chi tiết các khoản ký quỹ thực hiện hợp đồng tại ngày 31/12/2019:		
- Thu tiền ký quỹ cho thuê mặt bằng tại Chung cư 312 Lạc Long Quân		182.375.000
- Thu tiền ký quỹ bãi giữ xe Lô 3A, 3B, 3C Chung Cư Phú Thọ, Khu A		126.000.000
- Thu tiền ký quỹ bãi giữ xe Lô 4,5,6 Chung Cư Phú Thọ, Khu B		150.000.000
- Thu tiền ký quỹ bãi giữ xe Lô C1, C2 Chung Cư Lý Thường Kiệt		75.000.000
- Thu tiền ký quỹ bãi giữ xe Lô A,B,C Chung Cư Cây Mai		150.000.000
- Thu tiền ký quỹ DNTN Thanh Trúc		210.000.000
- Thu tiền ký quỹ thực hiện các hợp đồng khác.		6.600.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

14. Doanh thu chưa thực hiện			31/12/2019	01/01/2019
- Doanh thu chưa thực hiện thuộc nhà sở hữu Nhà nước về nhà sản xuất kinh doanh và nhà ở			883.918.847	905.668.952
Tổng cộng			883.918.847	905.668.952
15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	01/01/2019	Tăng	Giảm	31/12/2019
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.007.997.128	3.730.130.326	5.459.547.511	2.278.579.943
Tổng cộng	4.007.997.128	3.730.130.326	5.459.547.511	2.278.579.943
Các quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế, trong đó tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 số dư chi tiết các quỹ như sau:				
- Quỹ khen thưởng		387.115.846		
- Quỹ phúc lợi		1.600.310.836		
- Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty		291.153.261		
16. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			31/12/2019	01/01/2019
- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			21.281.000	21.281.000
Tổng cộng			21.281.000	21.281.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2018	38.748.000.000	333.885.726	(12.725.854)	83.886.371	39.153.046.243
Tăng vốn năm trước					-
Lãi trong năm trước			3.545.798.547		3.545.798.547
Trích quỹ từ LN sau thuế			(4.035.421.693)		(4.035.421.693)
Số dư ngày 01/01/2019	38.748.000.000	333.885.726	(502.349.000)	83.886.371	38.663.423.097
Lãi trong năm			4.170.354.326		4.170.354.326
Trích quỹ từ LN sau thuế (*)			(3.668.005.326)		(3.668.005.326)
Giảm khác					-
Số dư ngày 31/12/2019	38.748.000.000	333.885.726	-	83.886.371	39.165.772.097

(*) Trong năm Công ty trích lợi nhuận sau thuế phân phối cho quỹ khen thưởng, phúc lợi và ban quản lý điều hành công ty cụ thể như sau

Quỹ khen thưởng	3.482.005.326
Quỹ phúc lợi	
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty	186.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2019	01/01/2019
- Vốn góp của nhà nước	38.748.000.000	38.748.000.000
Ủy Ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	38.748.000.000	38.748.000.000
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	2019	2018
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	38.748.000.000	38.748.000.000
+ Vốn góp đầu năm	-	-
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	38.748.000.000	38.748.000.000
d. Quỹ đầu tư phát triển	31/12/2019	01/01/2019
- Số dư đầu năm	333.885.726	333.885.726
- Số dư cuối năm	333.885.726	333.885.726
18. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
a. Nguồn kinh phí	2019	2018
- Số dư đầu năm	33.092.931.510	19.879.071.282
Tăng trong năm	21.404.202.933	22.684.177.040
-Thu hộ ngân sách các tiền thuê nhà chung cư thuộc sở hữu của nhà nước (2%&3%)	1.880.664.712	2.004.941.711
-Thu nhà ở 40% cho thuê nhà thuộc sở hữu của Nhà nước	19.403.173.640	20.564.719.558
-Các khoản thu rác để lại	120.364.581	114.515.771
Giảm trong năm	22.518.126.999	9.470.316.812
-Chi hoạt động công tác thu tiền thuê, góp nhà chung cư và trích 3% phí duy tu bảo dưỡng chung cư	1.742.883.145	1.563.764.345
- Chi hoạt động sự nghiệp 40% nhà thuộc sở hữu của Nhà nước	20.654.879.273	7.791.646.820
-Chi khác rác để lại	120.364.581	114.905.647
- Số dư cuối năm	31.979.007.444	33.092.931.510

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

18. Nguồn kinh phí và quỹ khác (tiếp theo)**b. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ**

	2019	2018
- Số dư đầu năm	437.805.932.594	461.335.002.471
Giảm trong năm	13.593.274.145	23.529.069.877
-Giảm (bán theo quy định)	13.593.274.145	23.529.069.877
- Số dư cuối năm	424.212.658.449	437.805.932.594

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	2019	2018
01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	83.316.466.073	82.464.468.381
Trong đó:		
- Dịch vụ công ích	47.440.874.942	45.295.250.047
- Dịch vụ thi công công trình	260.305.455	1.550.459.092
- Dịch vụ cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước	19.402.382.005	20.564.719.558
- Trạm bơm	657.787.297	887.512.021
- Rác chợ nhà vệ sinh (Rác 88)	2.187.827.085	1.898.011.368
- Dịch vụ khác	13.367.289.289	12.268.516.295
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	83.316.466.073	82.464.468.381
02. Giá vốn hàng bán	2019	2018
- Dịch vụ công ích	33.671.682.401	30.646.676.015
- Dịch vụ thi công công trình	265.956.650	1.372.853.586
- Dịch vụ cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước	19.402.382.005	20.564.719.558
- Trạm bơm	859.591.324	389.256.191
- Rác chợ nhà vệ sinh (Rác 88)	1.620.631.911	1.365.518.651
- Dịch vụ khác	14.203.378.590	12.818.208.129
Tổng cộng	70.023.622.881	67.157.232.130
03. Doanh thu hoạt động tài chính	2019	2018
- Lãi tiền gửi	1.254.970.361	1.812.929.818
Tổng cộng	1.254.970.361	1.812.929.818

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

04. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí đồ dùng văn phòng
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Thuế, phí và lệ phí
- Chi phí dự phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Tổng cộng

2019	2018
4.873.048.662	6.264.774.845
190.300.763	130.756.913
74.046.600	74.046.600
60.780.454	24.502.791
(483.508.125)	(25.019.105)
1.373.449.395	856.566.382
3.128.113.955	5.130.605.471
9.216.231.704	12.456.233.897

05. Thu nhập khác

- Thu sửa chữa thang máy,...

Tổng cộng

2019	2018
51.747.890	
51.747.890	-

06. Chi phí khác

- Chi phí khác

Tổng cộng

2019	2018
132.109.463	59.626.573
132.109.463	59.626.573

07. Chi phí thuế TNDN hiện hành

- Lợi nhuận kế toán trước thuế
- Cộng các khoản chi phí không được trừ
- Thu nhập tính thuế
- Thuế suất thuế TNDN

Chi phí thuế TNDN hiện hành

2019	2018
5.251.220.276	4.604.305.599
153.109.463	688.229.668
5.404.329.739	5.292.535.267
20%	20%
1.080.865.950	1.058.507.052

08. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu;
- Chi phí nhân công;
- Chi phí khấu hao tài sản cố định;
- Chi phí dịch vụ mua ngoài;
- Chi phí khác bằng tiền.

Tổng cộng

2019	2018
878.074.061	1.206.397.166
29.095.580.745	31.302.558.100
1.380.701.818	598.053.666
37.536.192.845	20.740.326.566
10.572.293.007	5.130.605.471
79.462.842.476	58.977.940.969

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác nhận giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.494.083.936		80.366.669.692	
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	35.350.117.042	(105.873.464)	24.420.793.719	(589.381.589)
Tổng cộng	91.844.200.978	(105.873.464)	104.787.463.411	(589.381.589)

Công nợ tài chính	31/12/2019	01/01/2019
Phải trả người bán, phải trả khác	21.757.025.750	23.214.018.489
Tổng cộng	21.757.025.750	23.214.018.489

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

1. Công cụ tài chính (tiếp theo)

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá trị thị trường có các loại rủi ro: Rủi ro tiền tệ, Rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

(i) Quản lý rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng tiền Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Rủi ro tiền tệ của Công ty là không có vì Công ty không sử dụng tiền bằng ngoại tệ.

(ii) Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty có các rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải chịu lãi suất. Hiện tại Công ty ghi nhận các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính theo nguyên tắc giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá, do vậy, Công ty chỉ chịu rủi ro về luồng tiền đối với các khoản lãi suất phải thu / phải trả. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng và tiền gửi có kỳ hạn của Công ty.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động lãi suất đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn cụ thể được ban hành bởi các cơ quan quản lý.

(iii) Quản lý rủi ro về giá khác (Rủi ro về giá cổ phiếu)

Công ty không có rủi ro về giá (rủi ro cổ phiếu)

b. Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và công cụ tài chính khác).

Đối với các khoản phải thu, Công ty thường xuyên theo dõi và đánh giá các khoản phải thu và lập dự phòng phải thu khó đòi kịp thời cho từng khách hàng (nếu có) khi lập báo cáo tài chính.

c. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản của Công ty được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

1. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.494.083.936		56.494.083.936
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	35.350.117.042	-	35.350.117.042
Tổng cộng	91.844.200.978	-	91.844.200.978

Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	20.857.050.750	899.975.000	21.757.025.750
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	-
Tổng cộng	20.857.050.750	899.975.000	21.757.025.750

Chênh lệch thanh khoản thuần	70.987.150.228	(899.975.000)	70.087.175.228
-------------------------------------	-----------------------	----------------------	-----------------------

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2019

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	80.366.669.692		80.366.669.692
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	24.420.793.719	-	24.420.793.719
Tổng cộng	104.787.463.411	-	104.787.463.411

Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	22.314.043.489	899.975.000	23.214.018.489
Tổng cộng	22.314.043.489	899.975.000	23.214.018.489

Chênh lệch thanh khoản thuần	82.473.419.922	(899.975.000)	81.573.444.922
-------------------------------------	-----------------------	----------------------	-----------------------

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu được từ các tài sản tài chính đáo hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

2. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan là các viên chức quản lý chuyên trách	Mối quan hệ
- Ông Lê Quang Tâm	Giám đốc
- Ông Phạm Văn Trình	Phó giám đốc
- Ông Phạm Quốc Phương	Phó giám đốc
- Bà Huỳnh Thị Hường	Kế toán trưởng
- Ông Phạm Mạnh Tuyên	Kiểm soát viên

Tổng quỹ lương thực hiện viên chức quản lý trong năm: 1.488.987.432 đồng

Tổng lương viên chức quản lý đã nhận trong năm: 930.127.527 đồng

3. Số liệu so sánh

Số liệu đầu năm được điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2019 của Phòng Tài chính Kế hoạch Quận 11 các khoản điều chỉnh cụ thể như sau:

	Số dư BCTC điều chỉnh 31/12/2018	Số dư theo BCTC tại ngày 31/12/2018	Chênh lệch
Các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán			
- Phải trả người lao động	5.462.225.440	4.959.876.440	502.349.000
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(502.349.000)	-	(502.349.000)
Các khoản mục trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh			
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.456.233.897	11.953.884.897	502.349.000
- Lợi nhuận trước thuế TNDN	4.604.305.599	5.106.654.599	(502.349.000)
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.058.507.052	1.058.507.052	-
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.545.798.547	4.048.147.547	(502.349.000)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

4. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ngày 28/12/2018 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 6213/QĐ-UBND về kế hoạch cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND TPHCM giai đoạn 2018-2020. Theo Quyết định 6213/QĐ-UBND, Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Quận 11 đang tiến hành các thủ tục theo quy định về cổ phần hóa.

Trừ vấn đề nêu trên, không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020



Huỳnh Thị Hường
Kế toán trưởng



Lê Quang Tâm
Giám đốc

